

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HC-PT

Ngày: 16/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hành chính thụ lý số 327/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc: “Kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh D. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐ-PT ngày 30/12/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 2, ngõ 219, phố Đinh Văn Tả, phường Bình H, thành phố Hải D, tỉnh D. (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh D; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện G, tỉnh D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc T; Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C; Chức vụ: Phó Chủ tịch; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Bà Vũ Thị T, sinh năm 1969; Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Đều có địa chỉ: Thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện G, tỉnh D. Người đại diện theo ủy quyền cho bà T, anh H, anh T là ông Nguyễn Văn T; (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 22/96, phố Cô Đông, Khu 4, phường Bình H, thành phố Hải D, tỉnh D. (có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; Ông Nguyễn Văn Thơm, sinh năm 1956. Đều có địa chỉ: Thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện G, tỉnh D. (có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Mít Nài, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt).

3.6. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 18, phố Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. (có mặt).

3.7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: 1/54/20, phố Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông L, ông T, ông T, bà L, ông S, bà T: Ông Nguyễn Văn B. Địa chỉ: Số 2, ngõ 219, phố Đinh Văn Tả, phường Bình H, thành phố Hải D, tỉnh D. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày: Nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn B là của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Mùi và cụ Vũ Thị Thiết (bố, mẹ ông Teo và ông Bảy). Theo Bản đồ lập năm 1982, thửa đất mang tên cụ Mùi, thuộc Tờ bản đồ số 10, Thửa số 281, Diện tích 611m². Sau đó, cụ Mùi tách cho Ông Nguyễn Văn L diện tích 300m². Phần diện tích còn lại 378m² vẫn đứng tên cụ Mùi. Năm 1988, vợ chồng cụ Mùi ra thành phố Hải Phòng sinh sống, tạm giao cho ông Teo trông coi, quản lý 378m² đất. Tuy nhiên, trong quá trình được giao trông coi thửa đất, ông Teo đã tự ý kê khai trong sổ sách địa chính của xã Tân Trường. Theo sổ mục kê và bản đồ đo vẽ năm 1990, thửa đất của vợ chồng cụ Mùi mang tên ông Teo thuộc Tờ bản đồ số 10, Thửa số 358, Diện tích 378m². Đến năm 1991, ông Teo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Sau khi phát hiện ra ông Teo tự ý làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa của mình, cụ Mùi đã đứng ra làm thủ tục với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp GCNQSDĐ cho ông Bảy. Ngày 27/10/1994, UBND tỉnh Hải Hưng cấp GCNQSDĐ số D 0530777 cho ông Bảy, với diện tích 178m². Phần diện tích còn lại 378m² – 178m² = 200m² của ông Teo. Đến năm 2017, toàn bộ anh, chị, em ông Teo và ông Bảy họp gia đình để bàn bạc về việc chia đất theo di chúc của cụ Mùi. Khi đó, ông Teo mới thông báo GCNQSDĐ của ông Teo vẫn là 378m² và không đồng ý chia đất cho ông Bảy. Lúc này, ông Bảy mới biết tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Bảy, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã không hủy GCNQSDĐ của ông Teo, làm thủ tục cấp mới GCNQSDĐ cho ông Teo với diện tích còn lại 200m². Dẫn đến, ông Teo cho rằng vẫn có quyền quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ 378m² làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Bảy. Vì vậy, ông Bảy khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Teo năm 1991.

2. Người bị kiện UBND huyện G trình bày: Nguồn gốc thửa đất của ông Nguyễn Văn T theo Bản đồ lập năm 1982, mang tên cụ Nguyễn Văn Mùi, thuộc Tờ

bản đồ số 10, Thửa số 281, Diện tích 611m². Sau đó, thửa đất cụ Mùi được tách ra làm hai, trong đó Thửa 281, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 311m² mang tên cụ Mùi; Thửa đất 398, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 300m² mang tên Ông Nguyễn Văn L. Đến năm 1990, theo sổ mục kê và bản đồ đo vẽ thì thửa đất của cụ Mùi thuộc Thửa số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m² mang tên ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 07/5/1991, mang tên ông Nguyễn Văn T, UBND tỉnh Hải Hưng (cũ) đã cấp GCNQSDĐ, số A 965733, ngày 05/12/1991 cho ông Teo. Nhằm đảm bảo tính hợp pháp GCNQSDĐ, ngày 25/8/2001, UBND huyện G ký xác nhận vào trang 3, GCNQSDĐ cho ông Teo. Quan điểm của UBND huyện G xác định, căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Teo đúng quy định pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông Teo nhất trí với quan điểm của đại diện UBND huyện G về nguồn gốc Thửa đất 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m², được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Teo. Ngoài ra, ông Teo cung cấp: Khi thực hiện Chỉ thị 299, thửa đất này là của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Mùi. Trong quá trình quản lý, sử dụng đến năm 1988, vợ chồng cụ Mùi ra ngoài Hải Phòng sinh sống. Thời điểm này, ông Teo vừa xuất ngũ về địa phương, nên vợ chồng cụ Mùi đã giao cho ông Teo trông coi, quản lý thửa đất. Năm 1990, vợ chồng cụ Mùi nhất trí cho ông Teo thửa đất diện tích 378m². Đồng thời, cụ Mùi lập văn bản và ra UBND xã Tân Trường, làm thủ tục để ông Teo được đứng tên trong sổ sách địa chính xã. Trong quá trình quản lý, sử dụng, ông Teo được UBND tỉnh Hải Hưng cấp GCNQSDĐ, số A 965733, ngày 05/12/1991. Tuy nhiên, ông Teo xác định: Đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn T, đề ngày 07/5/1991, không phải do ông Teo ký tên, còn cá nhân nào ký vào ông Teo không rõ, cũng như không biết tại sao có việc tẩy, xóa nội dung đơn. Trong quá trình quản lý GCNQSDĐ, Ông Nguyễn Văn T (anh ruột ông Teo) hỏi mượn GCNQSDĐ, nhưng tự ý ra UBND xã Tân Trường làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho ông Bầy, với diện tích 178m², trong tổng số 378m² đất của ông Teo. Đến năm 2003, khi UBND xã trả lại GCNQSDĐ của ông Bầy (sau khi đã ký, đóng dấu xác nhận trang 3 GCNQSDĐ). Lúc này, ông Teo mới biết ông Tho trong lúc mượn GCNQSDĐ, tự ý làm thủ tục tách từ 378m² đất của ông Teo sang cho ông Bầy 178m². Việc ông Bầy khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Teo không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bầy.

3.2. Bà Vũ Thị T, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn T trình bày: Nhất trí với nội dung trình bày của ông Teo và không bổ sung gì thêm.

3.3. Ông Nguyễn Văn L, Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Thom, Bà Nguyễn Thị L, Ông Nguyễn Văn S, Bà Nguyễn Thị T trình bày: Nhất trí với quan điểm trình bày của ông Bầy.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh D, đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 187 Bộ luật Dân sự; Quyết

định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989; Nghị quyết 326/2016/QH14 về án, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 965733 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 05/12/1991 (được Ủy ban nhân dân huyện G xác nhận hợp pháp ngày 25/8/2001) mang tên ông Nguyễn Văn T, đối với Thửa đất số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m². Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Teo.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn B không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

UBND huyện G không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tho, ông Thơm, ông Sáu và ông Là đều xác định là con vợ chồng cụ Mùi. Khi còn sống, cụ Mùi chưa bao giờ tặng cho ông Teo tại Thửa đất 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m². Đến năm 2005, cụ Mùi mới lập di chúc phân chia đất đai cho ông Teo được 200m², còn ông Bảy được 178m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong việc thụ lý; xác định thẩm quyền; xác định tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập và giao nộp chứng cứ; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại...

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

2.1. Về thời hiệu khởi kiện: Năm 1991, ông Nguyễn Văn T được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng(cũ) cấp GCNQSDĐ, Thửa số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích sử dụng 378m², tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng (cũ). Sau đó đến năm 1994, ông Nguyễn Văn B được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng (cũ) cấp GCNQSDĐ, với diện tích sử dụng 178m² được tách từ diện tích 378m² đất của ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, GCNQSDĐ của ông Teo không bị thu hồi để cấp lại, ông Bảy không biết ông Teo vẫn đang quản lý GCNQSDĐ được cấp năm 1991. Năm 2017, khi họp toàn thể gia đình ông Teo thông báo GCNQSDĐ của mình được cấp 378m² và không đồng ý phân chia đất. Tính đến thời điểm có đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn là đúng pháp luật.

2.2. Xét căn cứ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn T:

Căn cứ lời khai của các đương sự, cung cấp của chính quyền địa phương, quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, xác định vợ chồng cụ Nguyễn Văn Mùi và cụ Vũ Thị Thiết có diện tích đất, được thể hiện tại Bản đồ lập năm 1982 (theo Chỉ thị 299), Thửa đất số 281, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 611m² tại Thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện G sử dụng trước năm 1980; sau đó vợ chồng cụ Mùi tách cho Ông Nguyễn Văn L một phần thửa đất, còn lại vợ chồng cụ Mùi quản lý và sử dụng. Như vậy, đến trước thời điểm năm 1990, vợ chồng cụ Mùi và cụ Thiết tách thửa đất 611m² làm hai thửa, việc này được chứng minh tại Sổ mục kê lập theo Bản đồ năm 1982 ghi thông tin thửa đất thể hiện: Thửa đất số 281, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 311m², chủ sử dụng là Nguyễn Văn Mùi (bố ông Teo), cột ghi chú có ghi Là 300 và Thửa đất số 398, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 300m², chủ sử dụng Nguyễn Văn Là (anh ông Teo) do ông Là quản lý và sử dụng, phù hợp lời khai của ông Teo, ông Tho, ông Bảy, ông Thơm, ông Sáu, bà Tám, ông Là cũng xác định sự kiện này.

Năm 1990, diện tích 311m² của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Mùi được đứng tên ông Nguyễn Văn T, với diện tích 378m². Xét việc đất đứng tên từ cụ Mùi chuyển sang tên ông Teo, xét thấy: Căn cứ lời khai của ông Teo cung cấp, năm 1988 vợ chồng cụ Mùi ra thành phố Hải Phòng sinh sống, nên đã giao cho ông Teo quản lý. Năm 1990, cụ Mùi tuyên bố cho ông Teo tại Thửa đất số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m², sau đó làm thủ tục tại UBND xã để ông Teo được đứng tên trong Sổ mục kê, Bản đồ đo vẽ của xã Tân Trường năm 1990. Ngoài lời khai của ông Teo, không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc cụ Mùi chuyển nhượng, tặng cho ông Teo thửa đất này. Trong khi đó các con của cụ Mùi gồm ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn L, Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Thơm, Bà Nguyễn Thị L, Ông Nguyễn Văn S, Bà Nguyễn Thị T đều xác định, khi vợ chồng cụ Mùi ra thành phố Hải Phòng sinh sống, tạm giao cho ông Teo trông coi, quản lý diện tích đất 378m². Tuy nhiên, trong quá trình được giao trông coi thửa đất, ông Teo đã tự ý kê khai trong sổ sách địa chính của xã Tân Trường. Việc này phù hợp với cung cấp của UBND xã Tân trường ngày 23/01/2019, Bản đồ đo vẽ năm 1990 và Sổ mục kê năm 1990 thể hiện Thửa số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m² mang tên ông

Nguyễn Văn T, lý do thửa đất này trước năm 1990 mang tên cụ Mùi đến năm 1991 mang tên ông Teo, vì có đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên ông Teo, tại thời điểm năm 1991 cụ Mùi đi công tác xa không có mặt tại địa phương, vợ chồng cụ Mùi không có bất cứ văn bản nào về việc tặng cho quyền sử dụng 387m² cho ông Teo, căn cứ vào đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên ông Teo, do vậy cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp GCNQSDĐ cho ông Teo với diện tích 387m², lý do tại Tờ bản đồ và Sổ mục kê 299 thể hiện cụ Mùi được sử dụng 311m², nhưng Bản đồ và Sổ mục kê 1990 và GCNQSDĐ năm 1991, mang tên ông Teo 387m² là vì sai số do đo đạc. Mặt khác, tại bản di chúc cụ Mùi lập ngày 07/6/2005 do ông Bảy cung cấp được các con của vợ chồng cụ Mùi thừa nhận, trừ ông Teo. Bản di chúc này do cụ Mùi tự viết tay và ký vào di chúc, nội dung di chúc thể hiện đầy đủ ngày tháng năm, họ tên địa chỉ người lập di chúc, họ tên người được hưởng di sản, di sản để lại và nơi có di sản phù hợp với quy định tại Điều 656, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1996. Tại thời điểm lập di chúc, thể hiện ý chí của cụ Mùi lúc này mới định đoạt toàn bộ diện tích đất của vợ chồng mình chia cho các con gồm: ông Nguyễn Văn T đất ở 200m² và một cái nhà ở 4 gian cấp 4, 2 gian bếp; ông Nguyễn Văn B đất ở 178m² phía tây giáp đất ông Thơm; Ông Nguyễn Văn L đất ở 284m² và giao cho quản lý và sử dụng 2 gian nhà mái bằng bê tông để làm nhà thờ, cúng ông bà khi giỗ, ngày tết, nếu có sự thay đổi nội dung này phải được 8 người con đồng ý. Như vậy, từ khi giao cho ông Teo trông coi, quản lý thửa đất từ năm 1988 đến thời điểm lập di chúc năm 2005, thửa đất đứng tên Nguyễn Văn Mùi theo Bản đồ đo vẽ năm 1982, đủ căn cứ xác định vợ chồng cụ Mùi và cụ Thiết chưa tặng cho hoặc chuyển nhượng cho ông Teo thửa đất diện tích 378m², mang tên Nguyễn Văn T tại Tờ bản đồ năm 1990. Trong quá trình quản lý, ông Teo đã tự ý kê khai để được đứng tên trong sổ mục kê và bản đồ đo vẽ năm 1990. Do vậy, từ những căn cứ nêu trên, xác định thửa đất ông Nguyễn Văn T được cấp GCNQSDĐ năm 1991, chưa được vợ chồng cụ Mùi làm thủ tục chuyển nhượng hoặc tặng cho. Do đó, việc cấp GCNQSDĐ cho ông Teo là không có căn cứ.

2.3. Xét trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn T:

Căn cứ Đơn xin cấp GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn T đề ngày 07/5/1991. Quan điểm của UBND xã Tân Trường tại biên bản xác minh ngày 23/01/2019 khẳng định, đơn này tại phần tên và số tuổi có sự tẩy xóa, nguồn gốc sử dụng đất thừa kế của bố mẹ được viết thêm, thực tế năm 1991 vợ chồng cụ Mùi vẫn còn sống, đơn này trước đây ghi tên cụ Mùi, 45 tuổi, sau đó sửa tên thành tên ông Teo, 26 tuổi, lý do UBND xã khẳng định đơn của ông Teo bị tẩy xóa là vẫn còn nét tên cụ Mùi, 45 tuổi và cụ Mùi chết năm 2008. Lời khai của ông Teo cũng xác định không phải do ông Teo ký tên, còn cá nhân nào ký vào ông Teo không rõ, cũng như không biết tại sao có việc tẩy xóa, viết thêm nội dung trong đơn xin cấp GCNQSDĐ. Theo quy định của Luật Đất đai năm 1987 và Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thi hành Luật Đất đai quy định, người đang sử dụng đất hợp pháp là người có tên trong sổ địa chính. Tại Tờ bản đồ năm 1982, diện tích 311m², chủ sử dụng là Nguyễn Văn Mùi (bố ông Teo) không bị cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, đang sử dụng đất hợp pháp chưa đăng ký thì người sử dụng phải xin đăng ký đất đai tại cơ quan Nhà nước để vào sổ địa chính, sau khi đăng ký người sử dụng đất được cấp GCNQSDĐ. Tại thời điểm năm 1990, địa phương tiến hành đo đạc để thiết lập bản đồ, vào sổ địa chính để cấp GCNQSDĐ, diện tích đất của cụ Mùi thuộc đối tượng được cấp GCNQSDĐ, phải căn cứ vào đơn của người chủ sử dụng. Tuy nhiên, tại thời điểm này không có chứng cứ nào thể hiện vợ chồng cụ Mùi tặng cho ông Teo, trong khi đó ông Teo có tên trong đơn là chủ sử dụng xác định không ký vào đơn, nội dung đơn có sự tẩy xóa, viết thêm. Như vậy, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn T không phải là chủ thể được cấp, không đúng quy định của pháp luật.

Đối với GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn T năm 1991, Thửa số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích sử dụng 378m², tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Bình (cũ) của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng(cũ) sử dụng dấu chữ ký, do vậy tại Quyết định số 367-QĐ/UB ngày 10/4/1995 của UBND tỉnh Hải Hưng (cũ) đã ra quyết định thu hồi và không sử dụng dấu chữ ký của Chủ tịch UBND tỉnh – NGUYỄN DU, như vậy đến thời điểm 1995 thì GCNQSDĐ cấp cho ông Teo đã bị thu hồi. Tuy nhiên, thực hiện Quyết định số 2326/QĐ-UB ngày 24/7/2000 của UBND tỉnh D, về việc xử lý những GCNQSDĐ đóng dấu chữ ký của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng (cũ) trước đây. Ngày 25/8/2001, Chủ tịch UBND huyện G ký xác nhận GCNQSDĐ được sử dụng hợp pháp cho ông Teo sử dụng 387m². Xét việc ký xác nhận năm 2001, thấy rằng nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ Mùi, thời điểm này cụ Mùi vẫn còn sống, không có chứng cứ nào thể hiện tặng cho hoặc chuyển nhượng cho ông Teo như nhận định trên. Theo cung cấp của UBND xã Tân Trường ngày 23/01/2019, căn cứ vào đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông Teo, ghi chú ở dưới góc đơn: “anh Teo tách cho Bảy, Đông 19m, Tây 18,7m, Nam 9,4m, Bắc 9,4m. Diện tích 178m²”, căn cứ vào đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông Bảy vào ngày 16/8/1993, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã tách 178m² trên 378m² đất mang tên ông Teo, để cấp GCNQSDĐ cho ông Bảy được sử dụng 178m², thực tế diện tích của ông Teo còn lại được sử dụng 200m², UBND xã Tân Trường đã ghi trong Sổ mục kê thể hiện ông Teo sử dụng 200m², còn GCNQSDĐ của ông Teo được quyền sử dụng 378m² vẫn giữ nguyên chưa bị thu hồi để cấp đổi. Việc này phù hợp với chứng cứ là GCNQSDĐ, số 2094, ngày 27/10/1994, mang tên Nguyễn Văn B, được quyền sử dụng 178m², Tờ bản đồ số 10, Thửa 470, xã Tân Trường do ông Bảy cung cấp, đồng thời ngày 04/8/2003 Chủ tịch UBND huyện G cũng xác nhận GCNQSDĐ này được sử dụng hợp pháp. Như vậy, tại thời điểm năm 2001, UBND huyện G ký xác nhận vào GCNQSDĐ của ông Teo, không xem xét nguồn gốc đất, không xem xét đất đã được tách thửa cho ông Bảy diện tích 178m² vào năm 1994, không làm thủ tục thu hồi. Dẫn đến, cùng một thửa đất nhưng lại có hai GCNQSDĐ cấp trùng lẫn nhau, cấp cho hai người sử dụng khác nhau. Do vậy, đủ căn cứ xác định tính không hợp pháp của GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn T. Từ những lập luận nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn cứ, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Teo không đúng quy định pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B; Hủy

GCNQSDĐ, số A 965733, của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Hưng (cũ), cấp ngày 05/12/1991, mang tên ông Nguyễn Văn T được Chủ tịch UBND huyện G ký xác nhận ngày 25/8/2001 là có cơ sở, đúng pháp luật.

2.4. Xét tính hợp pháp GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn B:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, các đương sự không yêu cầu xem xét tính hợp pháp việc cấp GCNQSDĐ cho ông B. Tuy nhiên, thửa đất của ông Nguyễn Văn B được tách từ thửa đất của ông Nguyễn Văn T, để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, trong khi ông Teo chưa làm thủ tục tặng cho hoặc chuyển nhượng cho ông B, cũng như nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ Mùi như nhận định nêu trên. Do đó, căn cứ cấp GCNQSDĐ cho ông B không đúng quy định. Mặt khác, Thửa đất số 358, Tờ bản đồ số 10, Diện tích 378m², cấp GCNQSDĐ mang tên ông Teo không đúng quy định pháp luật, cần phải hủy GCNQSDĐ như đã nêu ở trên. Do đó, GCNQSDĐ cấp cho ông B cũng không đúng quy định pháp luật, cần phải hủy. Tuy nhiên, do không có đương sự nào khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn B, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vì vượt quá yêu cầu khởi kiện, nhưng đã kiến nghị UBND huyện G xem xét, thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn B là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T:

Các căn cứ, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn Teo đã được phân tích, nhận định tại tiểu Mục 2.2 và 2.3 nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.
2. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án

phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số AA/2017/0008245 ngày 12/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh D (Ông Teo đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh D;
- VKSND tỉnh D
- Cục THADS tỉnh D;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Đình Lực